

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
HỖ TRỢ TRẺ KHUYẾT TẬT
HỌC HOÀ NHẬP
TẠI TRƯỜNG HỌC

Hà Nội năm 2017

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 7,8 triệu người khuyết tật và trong đó có 1,3 triệu trẻ em khuyết tật. Trẻ khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn để có cuộc sống tốt hơn, có sức khoẻ và khả năng. Và điều kiện tiên quyết để giúp trẻ khuyết tật hoà nhập cộng đồng chính là giáo dục và đặc biệt là giáo dục hoà nhập. Theo Luật Trẻ em, Luật người khuyết tật, Công ước LHQ về quyền trẻ em; Công ước LHQ về quyền của người khuyết tật đều có các điều khoản đảm bảo trẻ em phải được đi học và được hưởng nền giáo dục tốt nhất. Tuy vậy việc tiếp cận giáo dục với trẻ em khuyết tật là một vấn đề phức tạp bởi vì mỗi dạng tật khác nhau đòi hỏi các phương pháp giáo dục, cách tiếp cận khác nhau. Trẻ em khuyết tật tham gia vào các mô hình giáo dục và mức độ giáo dục khác nhau ở từng đối tượng. Mức độ tham gia vào giáo dục của trẻ em khuyết tật cũng phụ thuộc vào khả năng đáp ứng của nhà trường tại địa phương và các chương trình, trung tâm, dự án dành cho trẻ khuyết tật sẵn có trên địa bàn. Một yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật đó là thái độ và hiểu biết của cha mẹ, người chăm sóc trẻ hay chính những người bạn của trẻ tại trường học. Với những gia đình coi trọng việc học hỏi kỹ năng, kiến thức cho trẻ gia đình đó sẽ dành nhiều thời gian, công sức, nguồn lực hơn so với những gia đình không đánh giá cao việc học cho trẻ khuyết tật.

Với những mục tiêu đó chúng tôi biên soạn cuốn tài liệu này nhằm mục đích chia sẻ những thông tin ngắn gọn, súc tích nhất về việc hỗ trợ, hướng dẫn trẻ khuyết tật học tập tốt nhất tại trường. Đồng thời chúng tôi cũng đưa ra một vài định hướng cơ bản về cách thức giao tiếp và dạy từng dạng tật của trẻ.

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Lời nói đầu | 3 |
| PHẦN I: GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT..... | 7 |
| I. Các thông tin chung về giáo dục hoà nhập với trẻ khuyết tật..... | 7 |
| 1.Mục tiêu của giáo dục hoà nhập..... | 7 |
| 2.Quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật | 7 |
| 2.1 Quyền lợi | 7 |
| 2.2 Trách nhiệm của trường và giáo viên trong tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật..... | 8 |
| II. Một số nguyên tắc cơ bản về dạy giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật..... | 9 |
| 1. Nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật..... | 9 |
| 2. Năng lực và khả năng của trẻ khuyết tật..... | 10 |
| III. Phương pháp làm việc và hỗ trợ từng dạng tật của trẻ khuyết tật. | 11 |
| 1. Nguyên tắc chung | 11 |
| 2. Một số dạng tật cần lưu ý khi giao tiếp..... | 11 |
| 2.1 Khuyết tật vận động: | 11 |
| 2.2 Khuyết tật nhìn (Mù/khiếm thị) | 12 |
| 2.3 Khuyết tật nghe nói (câm, điếc):..... | 13 |
| 2.4 Khuyết tật phát triển (khuyết tật trí tuệ):..... | 15 |
| 2.5 Khuyết tật tâm thần, thần kinh: | 16 |
| 2.6 Khuyết tật khác | 16 |
| Phần II. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TRẺ KHUYẾT TẬT | 17 |
| I.Những vấn đề chung của bản kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật | 17 |
| 1. Khái niệm kế hoạch giáo dục cá nhân..... | 17 |
| 2. Ý nghĩa của bản kế hoạch giáo dục cá nhân..... | 17 |

| | |
|---|----|
| 3. Các yếu tố của bản kế hoạch giáo dục cá nhân..... | 18 |
| 4. Những yêu cầu của bản kế hoạch giáo dục cá nhân..... | 18 |
| 5. Nhóm hợp tác xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân..... | 18 |
| II. Quy trình xây dựng và thực hiện bản kế hoạch | |
| giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật | 19 |
| 1. Bước 1. Xác định khả năng, nhu cầu và môi trường phát triển của trẻ..... | 19 |
| 1.1. Nội dung..... | 19 |
| 1.2. Phương pháp..... | 20 |
| 2. Bước 2. Xây dựng mục tiêu giáo dục | 25 |
| 2.1. Mục tiêu giáo dục là gì? | 25 |
| 2.2. Các loại mục tiêu..... | 26 |
| 3. Bước 3. Lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ..... | 26 |
| 3.1. Xác định các yếu tố và lập kế hoạch | 26 |
| 3.2. Yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật..... | 27 |
| 4. Bước 4. Tổ chức thực hiện..... | 27 |
| 4.1. Nhà trường..... | 27 |
| 4.2. Gia đình..... | 29 |
| 4.3. Cộng đồng..... | 30 |
| 5. Đánh giá thực hiện kế hoạch | 30 |
| 5.1. Đánh giá tiến trình thực hiện kế hoạch | 30 |
| 5.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch..... | 31 |
| 5.3. Mẫu tóm tắt đánh giá sự phát triển của trẻ..... | 32 |
| 6. Tổ chức hợp nhóm hợp tác xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân | 32 |
| 6.1. Chuẩn bị..... | 33 |
| 6.2. Tiến hành cuộc họp..... | 33 |
| PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TIỂU HỌC | 34 |

PHẦN I:

GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ KHUYẾT TẬT

I. Các thông tin chung về giáo dục hòa nhập với trẻ khuyết tật

1. Mục tiêu của giáo dục hòa nhập

Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật nhằm tạo ra được môi trường sống, học tập hòa nhập tốt nhất cho trẻ khuyết tật, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật được tham gia học cùng trẻ không khuyết tật ngay trong các trường học. Giáo dục hòa nhập là cơ hội để trẻ không khuyết tật và trẻ khuyết tật hiểu đúng giá trị của nhau, xóa bỏ sự cách biệt mặc cảm, xa lánh để trẻ có trách nhiệm với nhau hơn. Giúp trẻ khuyết tật được học tại nơi trẻ sinh sống cùng gia đình, không có sự tách biệt môi trường sống vì trường hòa nhập có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ trẻ em của địa phương không kể trẻ khuyết tật hay trẻ không khuyết tật vào học. Đây cũng là cơ hội giúp trẻ khuyết tật học được nhiều hơn ở bạn, ở giáo viên và nhà trường. Thông qua lớp học hòa nhập giúp cho mọi trẻ, trong đó kể cả trẻ không khuyết tật và trẻ khuyết tật được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị hành trang cho trẻ trong tương lai. Giáo dục hòa nhập còn đóng vai trò giúp trẻ khuyết tật được can thiệp sớm và hỗ trợ gia đình trẻ khuyết tật trong công tác can thiệp sớm. Tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong một môi trường giáo dục thông thường, tạo cho mọi trẻ em có cơ hội được chăm sóc và giáo dục bình đẳng. Tạo sự hợp tác giữa gia đình, cộng đồng và nhà trường, trong việc chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật.

2. Quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan trong giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

2.1 Quyền lợi

Đối với trẻ khuyết tật:

Tất cả trẻ khuyết tật đều được chăm sóc và học tập để đạt được mục tiêu giáo dục chung. Trẻ có tinh thần cộng đồng tập thể, có sự học tập lẫn nhau, biết yêu thương đồng cảm và giúp đỡ nhau tạo thành nhóm bạn bè. Trẻ khuyết tật được giáo viên chăm sóc tận tình trong học tập và sinh hoạt, được trẻ trong lớp cảm thông, giúp đỡ. Trẻ được sống và học tập cùng nhau, mọi trẻ đều được học tập để đạt được mục tiêu giáo dục chung. Trẻ khuyết tật được tôn trọng, được chú

ý những điểm mạnh, được tham gia các hoạt động của lớp và được đồng viên, khuyến khích kịp thời. Trẻ khuyết tật được cung cấp các dịch vụ học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với từng dạng tật của trẻ.

Đối với giáo viên

Giáo viên trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật được học tập nâng cao hiểu biết và biết cách tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật trong lớp hòa nhập. Giáo viên biết tổ chức giờ học riêng cho trẻ, biết lập hồ sơ theo dõi, biết đánh giá và xây dựng kế hoạch mục tiêu giáo dục riêng cho từng trẻ. Giáo viên có cơ hội tiếp cận và sử dụng những công nghệ mới trong chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật. Giáo viên dạy trong lớp có học sinh khuyết tật được giảm số tiết dạy theo quy định và được hưởng chế độ theo nghị định 28/2012

Đối với cơ sở giáo dục

Cơ sở giáo dục có tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật được đánh giá cao về tính đa dạng trong giáo dục, tôn trọng và được tôn vinh. Nhà trường tạo điều kiện và cơ hội học tập về giáo dục đặc biệt cho giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật hòa nhập. Đây là hoạt động giúp giáo viên có kiến thức, khả năng và phương pháp, kỹ năng tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong lớp hòa nhập. Tập thể giáo viên tăng tính cộng đồng trách nhiệm cao và hỗ trợ nhau tích cực hơn trong công tác giáo dục. Đồ dùng trang thiết bị của trường, lớp được quan tâm chú ý bổ sung phù hợp với mọi trẻ. Phụ huynh quan tâm tích cực hơn, có trách nhiệm phối hợp cùng với giáo viên và nhà trường trong chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật. Lôi cuốn được sự hỗ trợ của xã hội và cộng đồng trong việc chăm sóc giáo dục trẻ về nhiều mặt trong đó có tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật.

2.2 Trách nhiệm của trường và giáo viên trong tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

Đối với nhà trường

Trường có trách nhiệm tiếp nhận, sắp xếp trẻ khuyết tật vào lớp học phù hợp. Trẻ được xếp học ở lớp phù hợp với sự phát triển độ tuổi theo trí tuệ của trẻ hơn là độ tuổi sinh học. Lớp học có tỉ lệ học sinh hợp lý, không quá đông, mỗi lớp chỉ nên xếp từ 1-2 trẻ khuyết tật học hòa nhập. Khi lớp nhận 1-2 trẻ khuyết tật, sĩ số lớp cần được giảm 3-5 trẻ để giáo viên có điều kiện giảng dạy và chăm sóc trẻ. Nhà trường có trách nhiệm tổ chức nhóm chuyên môn hỗ trợ giáo viên dạy lớp hòa nhập trong công tác tìm hiểu, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật. Hiệu trưởng và BGH nhà trường là người đóng vai trò lãnh đạo tích cực mang tính hỗ trợ cao trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Nhà trường có sổ theo dõi học sinh chung của trường theo các lớp và học sinh khuyết tật theo đúng yêu cầu (phụ lục cung cấp mẫu danh sách thông tin về trẻ khuyết tật cần có). Nhà trường cần bố trí đồ dùng trang thiết bị phù hợp hỗ trợ trong giáo dục trẻ khuyết tật và đề xuất tăng cường sự hỗ trợ của gia đình và xã hội về điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật. Nhà trường có sự cộng tác chặt chẽ với gia đình, cộng đồng và các ban ngành đoàn thể địa phương để huy động nhiều nguồn lực hỗ trợ cho GDHN. Chuẩn bị phòng học, đáp ứng yêu cầu và điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng đồ chơi bổ sung cho lớp hòa nhập. Xây dựng hệ thống sổ sách theo dõi công tác GDHN của trường. Xây dựng mạng lưới hướng dẫn, tuyên truyền viên về GDHN trẻ khuyết tật. Đánh giá đồng viên khen thưởng kịp thời đối với lớp và giáo viên dạy hòa nhập.

Đối với giáo viên dạy hòa nhập

Giáo viên phải lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật riêng. Kế hoạch và giáo dục cá nhân cần có sự điều chỉnh mục tiêu giáo dục dài hạn, ngắn hạn. Kế hoạch giáo dục và các biện pháp thực hiện phải cụ thể để giúp trẻ đạt được mục tiêu đã đề ra và có sự trao đổi thảo luận với cha mẹ trẻ và nhóm cán bộ giáo viên chuyên môn về KT của trường. Giáo viên có sự điều chỉnh phương pháp dạy và đánh giá phù hợp với trẻ khuyết tật. Giáo viên cần thực sự yêu thương, gần gũi và tận tình đối với trẻ khuyết tật. Nắm được những đặc điểm của trẻ khuyết tật hòa nhập trong lớp, xây dựng kế hoạch, mục tiêu và phương pháp giáo dục phù hợp cho trẻ. Giáo viên cần nghiên cứu kỹ đặc điểm, nhu cầu của trẻ khuyết tật học tại lớp, nắm vững kỹ năng đánh giá trẻ khuyết tật để cùng nhóm hỗ trợ GDHN của trường xây dựng bản kế hoạch GD cá nhân cho trẻ khuyết tật của lớp. Lập sổ theo dõi, ghi nhật ký về sự phát triển, tiến bộ riêng của trẻ khuyết tật tại nhóm, lớp. Định kỳ đánh giá và xây dựng kế hoạch GD, chăm sóc riêng cho từng trẻ khuyết tật trong lớp. Giáo viên phải biết sử dụng các dụng cụ thiết bị chuyên dụng của trẻ khuyết tật trong lớp hòa nhập nhằm giúp trẻ sử dụng và khắc phục khi có sự cố: máy trợ thính, xe lăn,...Biết sử dụng và tự làm thiết bị đồ dùng đồ chơi phù hợp để tổ chức môi trường GD tốt cho trẻ khuyết tật trong lớp. Giáo viên dạy lớp hòa nhập cần hiểu biết cách chăm sóc và xử lý một số diễn biến bất thường đối với trẻ khuyết tật của lớp. Liên hệ trao đổi thống nhất với gia đình trong cách đánh giá mục tiêu, phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ khuyết tật.

II. Một số nguyên tắc cơ bản về dạy giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

1. Nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật

Tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật là một việc làm bắt buộc trong GDHN, từ tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ chúng ta mới có thể xây dựng được kế hoạch GD cá nhân cho trẻ và các hoạt động hỗ trợ sau này giúp trẻ phát triển. Trẻ khuyết tật cũng có những nhu cầu cơ bản như mọi trẻ em không khuyết tật khác ngoài ra trẻ khuyết tật còn có một số nhu cầu riêng theo từng dạng tật và mức độ khuyết tật của trẻ. Dưới đây là một số mẫu đơn giản về nhu cầu của trẻ khuyết tật so sánh với trẻ không khuyết tật.

| Nội dung nhu cầu | Trẻ không khuyết tật | Trẻ khuyết tật |
|-------------------------|---|--|
| 1. Nhu cầu về thể chất: | Thức ăn, nơi ở, nước, quần áo đủ ấm | Cần đầy đủ nhu cầu giống trẻ không khuyết tật. Có một số dạng tật của trẻ như trẻ bị hở hàm ếch hoặc bại não, nhược cơ thường gặp khó khăn khi nuốt thức ăn: cần được giúp đỡ đặc biệt trong ăn uống. |
| 2. Sự an toàn | Thân thể cũng như về tinh thần, tinh cảm cần được đảm bảo | Cần đầy đủ nhu cầu giống trẻ không khuyết tật. Ngoài ra một số dạng tật của trẻ như Trẻ bại não, liệt cứng có thể lên cơn co cứng cơ cần có nhu cầu chăm sóc đặc biệt; trẻ khiếm thính, trẻ điếc cần phát hiện sớm để được hỗ trợ máy nghe hoặc học ngôn ngữ ký hiệu... |
| 3. Sự yêu thương | Sự thương yêu gắn bó gia đình, bạn bè... cộng đồng | Trẻ khuyết tật có nhu cầu cần được gia đình, họ hàng thương yêu, bạn bè giúp đỡ, cảm thông, chia sẻ nhiều hơn... |
| 4. Lòng tự trọng | Những điều đạt được trong học tập, sự nhận thức, tôn trọng của gia đình, thầy cô và bạn bè. | Trẻ khuyết tật cũng có nhu cầu được tôn trọng, được tham gia vào cuộc sống chung của gia đình và xã hội, được học tập hòa nhập, được phát huy hết những khả năng vốn có của mình và mong muốn được mọi người công nhận |
| 5. Sự phát triển | Quá trình phát triển cá nhân, sự hoàn thiện, tính sáng tạo | Trẻ khuyết tật cần được đi học vì nhà trường là môi trường GD hòa nhập tốt nhất để có trẻ có thể phát triển. Một số trẻ khuyết tật có thể cần những thiết bị hay phương tiện học tập, di chuyển đặc biệt để có thể đến trường. |

2. Năng lực¹ và khả năng của trẻ khuyết tật

Các đặc điểm về năng lực bù trừ của trẻ khuyết tật như sự nhạy cảm thính giác của trẻ mù; Sự nhạy cảm thị giác của trẻ điếc; Sự khéo léo đôi chân của trẻ liệt chi trên. Do vậy, giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật được tham gia các hoạt động chung. Qua đó sẽ thỏa mãn các nhu cầu khác nhau và phát triển các năng lực. Tạo cho trẻ có sự hứng thú tự nguyện hơn là ép buộc trẻ.

¹ Năng lực là những đặc điểm cá nhân đáp ứng được các đòi hỏi của một hoạt động nhất định đó và là điều kiện để thực hiện kết quả hành động nào đó. Bất cứ hoạt động nào cũng đòi hỏi ở con người một loại năng lực và các năng lực đó liên quan với nhau

Cần tìm hiểu, đánh giá các khả năng của trẻ trước khi can thiệp như:

- Khả năng phát triển thể chất, vận động như vận động thô; vận động tinh; tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe.
- Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp: Ngôn ngữ nói biểu đạt bình thường hay có khó khăn về phát âm, vốn từ, ngữ pháp...
- Khả năng nhận thức: Tập trung chú ý; trí nhớ trong các bài tập và cuộc sống thường nhật; hiểu biết và vận dụng trong cuộc sống.
- Khả năng tự phục vụ trong ăn uống; vệ sinh; đi lại; phát triển và sinh hoạt theo lứa tuổi; ứng xử thích nghi với xã hội, cộng đồng.
- Ngoài ra cũng cần chú ý môi trường sống của trẻ ở gia đình, nhà trường ...là những yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ.

III. Phương pháp làm việc và hỗ trợ từng dạng tật của trẻ khuyết tật.

1. Nguyên tắc chung

- ✓ **Đừng đưa ra những giả định về trẻ khuyết tật** (Đừng cho rằng bạn biết những gì trẻ khuyết tật muốn, cảm thấy, hoặc những gì là tốt nhất cho trẻ, hãy hỏi trẻ đó để có được câu trả lời tốt nhất (trừ một số trường hợp).
- ✓ **Yêu cầu trước khi giúp đỡ** (một trẻ khuyết tật có vẻ đang gặp khó khăn, nhưng tự bản thân trẻ cảm thấy mọi việc vẫn ổn và muốn tự hoàn thành nhiệm vụ của mình).
- ✓ **Nói với âm lượng bình thường** (Một trẻ có khuyết tật không có nghĩa là tất cả trẻ đều có vấn đề về khả năng nghe và nhận thức).
- ✓ **Trao đổi trực tiếp với trẻ khuyết tật** (thay vì nói với người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu hoặc người đi cùng).
- ✓ **Tránh các từ mà hiện nay không còn phù hợp hoặc mang tính xúc phạm** (tàn tật, nạn nhân, chậm phát triển, đần, điên, què, thậm thọt...).
- ✓ **Hãy tôn trọng không gian cá nhân** (xe lăn, nạng gỗ, gậy đi bộ... là một phần không gian cá nhân của người khuyết tật).

2. Một số dạng tật cần lưu ý khi giao tiếp

2.1 Khuyết tật vận động:

Chiếm tỷ lệ cao nhất (40%). Do tổn thương các thành phần tham gia vận động gồm: Do tổn thương thần kinh; Do tổn thương hệ cơ xương khớp.

- ⇒ Hỏi trước khi giúp đỡ.
- ⇒ Khi tiến hành thực hiện các hoạt động trợ giúp cần có địa điểm tiếp cận (để đi lại cho người khuyết tật như có đường dốc cho người đi xe lăn, có tay vịn), nếu không có thì cần có người hỗ trợ.
- ⇒ Khi nói chuyện hoặc hướng dẫn trẻ dùng xe lăn, hãy cố gắng ngồi cùng tầm mắt với trẻ.
- ⇒ Không tựa vào người sử dụng xe lăn để có điểm tựa khi nói chuyện với người khác, hoặc nhờ người sử dụng xe lăn giữ đồ giúp mình...

- ⇒ Trước khi đẩy xe lăn cho một người khuyết tật, cần nghe họ hướng dẫn như thế nào là hợp lý và an toàn cho họ.
- ⇒ Hãy bắt tay với một người khuyết tật, ngay cả khi người đó sử dụng tay giả hoặc mất một cánh tay. Trong trường hợp không thể bắt tay, ta hãy mỉm cười cởi mở và thân thiện.
- ⇒ Nếu một đứa trẻ sử dụng nạng, khung tập đi, hoặc một số thiết bị khác hỗ trợ và cần sử dụng tay để giữ thăng bằng, không nên nắm tay trụ của trẻ khiến trẻ có thể ngã. Hãy hỏi trẻ cần trợ giúp như thế nào trước khi giúp.
- ⇒ Cảnh báo sau khi lau sàn hoặc có sàn nhà chống trượt cho người đi nạng, khung trợ giúp.
- ⇒ Sắp xếp các đồ vật vừa tầm với cho người khuyết tật đi xe lăn, không có các chướng ngại vật hành lang hay các đường dốc dành cho xe lăn.
- ⇒ Trẻ khuyết tật vận động mà có bệnh xương thủy tinh thì nên tránh các va chạm mạnh, tránh các tiếng động mạnh làm trẻ giật mình. Những va chạm hoặc tiếng động này sẽ khiến trẻ có thể bị gãy xương.
- ⇒ Nên cho trẻ khuyết tật vận động ngồi chỗ dễ di chuyển nhất trong lớp, có một số trường hợp có thể để trẻ ngồi bàn trên cùng để dễ nhìn bảng nhất hoặc dễ tiếp cận với các không gian và khu sinh hoạt chung nhất của lớp.

2.2 Khuyết tật nhìn (Mù/khiếm thị)

Khiếm thị hay mù là bệnh lý ở mắt bẩm sinh hay mắc phải; Hạn chế hoặc mất hẳn khả năng nhìn

- ⇒ Nói chuyện với đứa trẻ về những sở thích và kinh nghiệm của trẻ và mong đợi đứa trẻ tuân theo các quy tắc phù hợp với trình độ phát triển của bé.
- ⇒ Luôn để cho trẻ khiếm thị biết khi nào bạn đang tiếp cận hoặc đi. Xác định mình theo tên, đặc biệt là nếu đứa trẻ không biết rõ bạn.
- ⇒ Mô tả ngắn gọn các khía cạnh của môi trường có thể có tầm quan trọng hoặc quan tâm đến đứa trẻ khiếm thị.
- ⇒ Luôn luôn hỏi trước khi dẫn trẻ đi đâu đó. Nếu đứa trẻ không hiểu, hãy đưa tay hoặc cánh tay của bạn để trẻ bám vào và được trợ giúp. Nếu đứa trẻ không biết rõ bạn, chỉ chạm vào trẻ trên tay hoặc cẳng tay, vì bạn có thể chạm vào người khác trong tình huống xã hội. Nếu trẻ biết rõ bạn thì bạn có thể tiếp xúc gần gũi với trẻ hơn và cho trẻ biết rõ về bạn, đặc biệt nếu trẻ lớn hơn tuổi đi học.
- ⇒ Sử dụng những từ như “mù” hoặc “khiếm thị” trong cuộc trò chuyện bình thường với đứa trẻ, nhưng chỉ khi chúng quan trọng đối với chủ đề đang thảo luận. Bạn có thể sử dụng những từ như “nhìn” và “xem”, cũng như bạn với bất kỳ đứa trẻ nào khác.
- ⇒ Khi đi bộ với trẻ, hãy khuyến khích bé giữ tay gần hoặc trên khuỷu tay và dùng cây gậy, nếu bé có gậy. Một đứa trẻ có thể nắm cổ tay hoặc ngón trỏ. Không khuyến khích giữ tay như một phương tiện cung cấp trợ giúp; giúp trẻ hiểu rằng đó là cách thể hiện tình cảm và khác với trợ giúp di chuyển.
- ⇒ Hỏi cách giúp đỡ thuận tiện cho trẻ khuyết tật. Một số lưu ý như: Không đưa ra các chỉ dẫn chung chung như “cẩn thận”; “coi chừng”; “ở đó”...; Khi đưa trẻ vào chỗ ngồi nên đặt tay trẻ lên thành ghế để trẻ xác định vị trí.

⇒ Trước khi kết thúc một hoạt động, bài giảng... bạn nên hỏi trẻ khuyết tật cần thêm thông tin gì nữa không.

Chi tiết hơn về cách giao tiếp với trẻ mù, trẻ khiếm thị khi trong lớp của mình có một học sinh đặc biệt như vậy tại địa chỉ: afb.org/store.

2.3 Khuyết tật nghe nói (câm, điếc)

Khiếm thính hay điếc là bẩm sinh đã không nghe được do không có thính giác hoặc các tổn thương cơ quan thính giác *làm giảm hoặc mất khả năng nghe, từ đó làm ảnh hưởng đến khả năng phát âm; Một số có khả năng nghe nhưng chậm nói hoặc rối loạn phát âm; Bẩm sinh hoặc mắc phải.*

⇒ Trước khi nói chuyện, có thể gõ tay, vẫy tay, vỗ nhẹ vào vai để gây sự chú ý

⇒ Nói chuyện trực tiếp với trẻ khiếm thính/trẻ điếc/trẻ câm (nhìn vào mắt).

⇒ Hỏi ý kiến các vấn đề liên quan trực tiếp đến trẻ, không quyết định thay.

⇒ Trao đổi các thông tin phức tạp, cần có người phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu/phiên dịch thủ ngữ nhưng giữ giao tiếp bằng mắt với trẻ.

⇒ Đảm bảo trẻ khuyết tật nhìn thấy khuôn hình của bạn. Dùng câu đơn, không dùng câu ghép. Ngoài ra, nên sử dụng cử chỉ, ngữ điệu hoặc dùng hình ảnh, video, clip để minh họa sinh động, giúp trẻ khuyết tật dễ hiểu.

⇒ Trừ khi được yêu cầu, hãy nói với giọng điệu và âm lượng bình thường, không quá to.

⇒ Tạo môi trường yên tĩnh, có đủ ánh sáng để nhìn bằng mắt, đảm bảo rằng trẻ khuyết tật loại khiếm thính, điếc này có thể hiểu/nhìn được nội dung bài giảng hoặc yêu cầu của thầy cô giáo khi đưa chỉ dẫn.

⇒ Thầy cô giáo nhắc nhở học sinh trong lớp, trong trường không trêu chọc, nhại lại, cười cợt giọng nói của trẻ khuyết tật.

⇒ Đừng nói quá to, trẻ khuyết tật không phải là người để mình quát lên, vì có nói to trẻ cũng không nghe thấy mà còn làm trẻ cảm thấy khó xử khi nhìn thấy người nói chuyện với mình có vẻ cáu gắt.

Lưu ý, trẻ khuyết tật câm điếc, khiếm thính cần được giáo dục và giao tiếp bằng ngôn ngữ ký hiệu kể từ lúc phát hiện ra khuyết tật. Tư duy và nhận thức của trẻ sẽ không bị hạn chế nếu được nuôi dưỡng trong môi trường sử dụng ngôn ngữ ký hiệu từ sớm.

Dưới đây là 1 vài gợi ý dành cho giáo viên khi trong lớp có trẻ khiếm thính, trẻ điếc.

Điều chỉnh lớp học phù hợp: Trong khi một số học sinh bị mất thính lực vĩnh viễn, các học sinh khác có thể bị tổn thương tạm thời do cảm lạnh và nhiễm trùng tai, viêm tai giữa, đặc biệt có nhiều học sinh mắc phải các chứng bệnh này là ở những lớp đầu tiểu học. Vì những mất mát thính lực tạm thời đó có thể có ảnh hưởng đến việc phát triển ngôn ngữ và tiếp cận chương trình giảng dạy, các giáo viên cần có các chiến lược cụ thể để dạy các trẻ giai đoạn này. Sau đây là một hướng dẫn để giúp học sinh của bạn thích ứng với lớp học, sử dụng các phương tiện trợ giúp trực quan, tạo ra các phương pháp truyền thông hiệu quả và theo dõi sự tiến bộ của học sinh trong suốt cả năm.

Thích ứng trong lớp học: Có thể thực hiện một vài bước đơn giản để đảm bảo lớp học phù hợp với học sinh khiếm thính. Khi có thể, tất thiết bị tạo ra tiếng ồn nền, chẳng hạn như quạt và

máy chiếu, khi không sử dụng. Nếu máy di động hoặc lớp học của bạn có hệ thống làm nóng hoặc làm mát gây ồn, hãy xem xét yêu cầu thay đổi phòng học. Loại bỏ tiếng ồn nhiều hơn giúp học sinh khiếm thính tập trung vào bài giảng và bài tập của lớp. Hãy nhớ rằng máy trợ thính khuếch đại mọi âm thanh, bao gồm cả bút chì và máy điều hòa không khí.

Các cân nhắc về giao tiếp: Giao tiếp hiệu quả là điều quan trọng với một học sinh khiếm thính để đảm bảo sự thành công của học sinh. Vì nhiều học sinh khiếm thính dựa vào việc đọc môi, ít nhất một phần, điều quan trọng là hãy ghi nhớ vài điều khi bạn dạy trẻ. Nhìn trực tiếp vào học sinh và gặp mặt học sinh khi giao tiếp hoặc giảng dạy. Nói tên của học sinh hoặc báo hiệu sự chú ý của trẻ bằng một cách nào đó trước khi nói. Chỉ định cho học sinh một cái bàn ở gần bàn đầu trong lớp học, hoặc nơi mà bạn dự định đứng giảng hầu hết các bài giảng của mình. Nói một cách tự nhiên và rõ ràng. Hãy nhớ nói to hơn sẽ không giúp gì cho bạn và học sinh. Không phóng đại cử động môi, nhưng làm chậm lại một ít có thể giúp trẻ tốt hơn. Sử dụng các biểu hiện trên khuôn mặt, cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể để truyền tải thông điệp của bạn, nhưng đừng lạm dụng nó. Một số giao tiếp có thể khó cho người khiếm thính, người điếc hiểu. Rõ ràng dạy các thành ngữ và giải thích những câu đùa và châm chọc. Trẻ khiếm thính, trẻ điếc thường biểu hiện các cảm xúc xã hội chậm hơn trẻ không khuyết tật. Vì vậy, khi có các tiết giảng về kỹ năng xã hội thì giáo viên cần thể hiện cụ thể bằng cách hỗ trợ trẻ tham gia trò chơi chung hoặc trò chuyện nhiều hơn với trẻ, duy trì các cuộc trò chuyện với mỗi lần là một chủ đề cụ thể. Đôi khi phải mất thời gian để hiểu nhau và học hỏi thói quen của nhau, do đó hãy dành thời gian dài hơn với trẻ khiếm thính, trẻ điếc hơn bình thường. Kiên nhẫn và tìm ra các chiến lược làm việc hiệu quả nhất cho học sinh khiếm thính, học sinh điếc của bạn.

Các cách sử dụng thị giác và chương trình giảng dạy: Điều chỉnh các phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của người học trực quan bằng cách viết tất cả các bài làm ở nhà, hướng dẫn lớp học và những thay đổi về phương pháp giảng trên bảng. Cung cấp một cái nhìn trực quan giúp loại bỏ những nhầm lẫn không đáng có. Nhớ không nói/giảng trong khi bạn quay lưng lại với học sinh. Nếu một học sinh thông thạo trên máy tính, hãy tìm cách hỗ trợ học sinh đó sử dụng máy tính để ghi chép và giao tiếp trong lớp. Sắp xếp bàn làm việc theo hình tròn (nếu có thể) để học sinh khuyết tật có thể nhìn thấy những học sinh khác. Điều này đặc biệt quan trọng nếu họ cần phải đọc môi. Hãy xem xét sử dụng một micro giả hoặc một cây bút nếu ai nói thì giờ bút, micro lên trong các cuộc thảo luận nhóm, điều này giúp học sinh khiếm thính, học sinh điếc biết ai đang nói. Nếu không thể làm vậy, hãy lặp lại những nhận xét và câu hỏi của học sinh, thừa nhận ai đã nhận xét để học sinh khiếm thính có thể tập trung vào người nói. Cung cấp cho học sinh một phác thảo về bài học hàng ngày và bản sao của các ghi chú, cho phép học sinh tập trung vào các cuộc thảo luận và các câu hỏi trong khi bạn đang giảng dạy. Sau đó, sinh viên có thể tham gia nhiều hơn vào việc học và có thể dễ dàng xem lại các ghi chú sau đó. Vì tầm nhìn trở thành phương tiện chủ yếu để tiếp nhận thông tin của học sinh khiếm thính, nên sử dụng các dụng cụ trợ giúp trực quan mỗi khi có thể. Xem xét việc sử dụng áp phích, biểu đồ, thẻ màu, hình ảnh, thảo tác, tổ chức đồ họa, hoặc bất kỳ vật phẩm thị giác nào để minh họa các khái niệm. Cố gắng sử dụng các video có chú thích trong lớp. Một số học sinh thính giác có thể yêu cầu sử dụng thiết bị khuếch đại âm thanh. Đảm bảo học sinh ngồi gần thiết bị và có thể nghe thấy tiếng nói khuếch đại. Nếu giáo viên thường sử dụng micrô, cần được thông báo trong các cuộc thảo

luận nhóm. Hãy xem xét sử dụng một phiên dịch viên nếu học sinh biết ngôn ngữ ký hiệu và cảm thấy thoải mái khi sử dụng nó trong lớp học.

2.4 Khuyết tật phát triển (khuyết tật trí tuệ):

Khuyết tật trí tuệ hay còn gọi là chậm phát triển tinh thần, bẩm sinh hay mắc phải; Hạn chế về khả năng nhận thức.

- ⇒ Không dùng các khái niệm, từ ngữ trừu tượng.
- ⇒ Dùng các câu đơn, không dùng câu ghép
- ⇒ Không quyết định thay.
- ⇒ Nói chuyện trực tiếp.
- ⇒ Giữ áp lực học hành thấp nhất có thể. Có thể sử dụng các cách dạy bằng hình ảnh hoặc phim chiếu.
- ⇒ Thông báo những thay đổi về môi trường hoặc chu trình thường nhật.
- ⇒ Hãy đề nghị trẻ khuyết tật nhắc lại nếu vẫn chưa hiểu.

Dưới đây là một vài gợi ý dành cho giáo viên khi trong lớp có trẻ khuyết tật trí tuệ:

Mỗi đứa trẻ đều có những bước đi của bé khi học cái mới. Đối với nhiều trẻ em khuyết tật, ngay cả bước nhỏ bé nhất cũng là một chiến thắng rất lớn.

5 bí quyết thành công

1. Dạy trẻ từng bước một. Trẻ khuyết tật trí tuệ chắc chắn không phải là trẻ sơ sinh. Thuật ngữ này nhằm khuyến khích giáo viên chia nhỏ các bài học thành các bước đơn giản và dễ quản lý hơn. Điều này sẽ giữ mức độ thất vọng xuống và cho phép học tập diễn ra. Chờ cho đến khi học sinh hoàn thành xuất sắc bước 1 thì hãy tiếp tục cho học sinh bước sang bước tiếp theo.

2. Các bài học kinh nghiệm cụ thể. Giới thiệu những ý tưởng mới trong cách tiếp cận thực tế, thực tiễn. Sử dụng các thao tác khi dạy toán. Hãy đi thực địa đến cửa hàng tạp hoá hoặc bưu điện để cho học sinh một trải nghiệm có ý nghĩa. Khi học sinh có thể thực hiện kết nối thực sự với thế giới xung quanh họ, hoặc khám phá một khái niệm cơ bản, kiến thức sẽ gắn bó với họ dễ dàng hơn.

3. Phản hồi tức thời và tích cực sẽ khuyến khích học sinh tiếp tục cố gắng. Nếu một học sinh đạt được một khái niệm hoặc đạt được một mục tiêu thì điều quan trọng là phải khen thưởng hoặc hoan nghênh học sinh đó ngay lập tức.

4. Hát một bài hát. Nghiên cứu đã phát hiện ra rằng âm nhạc là một động lực tuyệt vời cho tất cả trẻ em và đặc biệt là trẻ khuyết tật trí tuệ. Làm một bài hát đơn giản, hấp dẫn để giải thích cùng với một khái niệm là một cách thú vị để thu hút học sinh và giúp trẻ nhớ thông tin. Ví dụ: Câu “cắt tóc tạo kiểu” chính là cách diễn đạt hai đường thẳng vuông góc có cắt nhau tại một điểm và tạo thành 4 góc vuông bằng nhau.

5. Kiên nhẫn. Mẹo quan trọng nhất giáo viên cần là phải có sự kiên nhẫn. Học sinh khuyết tật nhất định có thể không dự đoán được những gì trẻ có thể học được và những gì có thể gây ra một hành vi nào đó. Điều có thể là một cơn cáu giận nóng nảy thường là cách học sinh nói với bạn, “Bài này quá khó” hoặc “ em mệt mỏi, em cần nghỉ ngơi”. Dành thời gian để tìm hiểu nhu cầu của từng trẻ. Nếu bạn cảm thấy quá tải và không thể chịu nổi học sinh lúc đó, bạn có thể dừng lại bài học và tiếp tục lại khi cả học sinh và giáo viên có thể xử lý được vấn đề và quay lại

bài học. Có thể mất một thời gian để học sinh tiến bộ, nhưng nếu kiên nhẫn thì sẽ là vô giá khi làm vậy.

2.5 Khuyết tật tâm thần, thần kinh:

Còn gọi là người có hành vi xa lạ; Có những biểu hiện khác lạ về hành vi, lời nói, nhân cách; Không nhận thức được khuyết tật của mình.

- ⇒ Giữ áp lực học hành thấp nhất có thể.
- ⇒ Khi con bệnh bột phát, hãy bình tĩnh và hỏi trẻ có cần giúp đỡ gì không.
- ⇒ Nói với trẻ bằng các câu ngắn, rõ ràng và giữ giọng thấp xuống, không luống cuống hoặc vội vã.
- ⇒ Nếu trong lớp có trẻ bị lên cơn động kinh, bạn không thể làm gì để ngăn chặn, nếu trẻ bị ngã, hãy bảo vệ phần đầu của trẻ và chờ cho cơn động kinh chấm dứt.
- ⇒ Sau cơn động kinh, người bị động kinh có thể cảm thấy bối rối, ngượng ngùng, hãy dành cho trẻ khoảng riêng tư để trẻ trấn tĩnh lại. Nhắc nhở các học sinh khác trong lớp không chêu đùa trẻ lúc này.
- ⇒ Tiếng bíp bíp của máy nhắn tin hoặc ánh sáng nhấp nháy có thể là yếu tố gây ra động kinh ở một số người.

2.6 Khuyết tật khác

Trẻ có khiếm khuyết về ngôn ngữ:

- ⇒ Tập trung, không ngắt lời, không giả vờ hiểu.
- ⇒ Có thể nhắc lại để xem bạn đã hiểu đúng lời trẻ nói chưa.
- ⇒ Không trêu chọc, nhại lại, cười cợt giọng nói của họ.
- ⇒ Tạo môi trường yên tĩnh.
- ⇒ Đừng nói quá to, trẻ không phải là người khiếm thính, người điếc.
- ⇒ Nếu đã cố gắng lắng nghe nhưng vẫn không hiểu được, hãy đề nghị trẻ viết ra hoặc giao tiếp bằng một cách khác hiệu quả hơn.

Trẻ có thể hình thấp bé

- ⇒ Cần sắp xếp các vật dụng trong tầm với tới đa với người có thể hình thấp bé như trẻ. Sắp trẻ ngồi bàn đầu hoặc chỗ dễ dàng di chuyển nhất cho trẻ. Có thể sử dụng bàn ghế thấp hơn so với bàn ghế thông thường để giúp trẻ đi lên đi xuống dễ dàng và an toàn.
- ⇒ Hướng dẫn học sinh khác không trêu chọc, hay dùng từ ngữ gây tổn thương.

Trẻ có vẻ ngoài khác biệt

- ⇒ Có những người bị đối xử như người bị bỏ đi hoặc coi thường do vẻ bề ngoài khác biệt của họ, mặc dù họ không bị hạn chế trong các sinh hoạt của cuộc sống. (sứt môi, hở hàm ếch, bệnh ngoài da, quá cao hoặc quá thấp..., những người bị ảnh hưởng bên ngoài do một số thuốc điều trị, như rung cơ, co giật...).
- ⇒ Hãy chắc chắn rằng bạn hay học sinh của bạn không góp phần tăng sự kỳ thị đối với những người có vẻ ngoài khác biệt, hãy giúp họ hòa nhập trọn vẹn.
- ⇒ Trong điều kiện thích hợp, hãy chủ động trò chuyện và để trẻ đó có thể tham gia vào bất cứ hoạt động nào đang diễn ra trong lớp, trong trường.

Phần II.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TRẺ KHUYẾT TẬT

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA BẢN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TRẺ KHUYẾT TẬT

1. Khái niệm kế hoạch giáo dục cá nhân

Kế hoạch giáo dục cá nhân là văn bản xác định nội dung, phương pháp, hình thức và các điều kiện thực hiện theo thời gian hạn định trong môi trường hoà nhập để đạt được mục tiêu chăm sóc, giáo dục một trẻ khuyết tật.

Nội dung của bản kế hoạch giáo dục cá nhân chính là chi tiết hoá của mục tiêu giáo dục thành các hoạt động cụ thể được tiến hành trong một thời gian hạn định. Để đạt đến mục tiêu giáo dục đã đề ra thì các hoạt động cần được thực hiện thông qua những cách thức, hình thức, các điều kiện phương tiện và trong các môi trường xác định (nhà trường, gia đình và cộng đồng).

Ví dụ:

- Kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ A khiếm thị năm học 2004-2005;
- Kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ B khiếm thính học kỳ I năm học 2004-2005;
- Kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ D khó khăn về ngôn ngữ-giao tiếp tháng 9/2004.

2. Ý nghĩa của bản kế hoạch giáo dục cá nhân

• Bản kế hoạch sẽ giúp cho mỗi cá nhân có thể được kiểm soát, điều chỉnh được hành vi của mình và luôn luôn biết hướng tới mục đích đã đề ra.

• Kế hoạch giáo dục cá nhân là cơ sở giúp các nhà quản lý đề ra và thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ khuyết tật, gia đình trẻ khuyết tật, giáo viên trực tiếp dạy trẻ.

• Kế hoạch giáo dục cá nhân là cơ sở để giáo viên, các thành viên của nhóm hợp tác thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật trong các môi trường hoà nhập khác nhau như gia đình, nhà trường và cộng đồng.

• Kế hoạch giáo dục cá nhân giúp cho Ban giám hiệu nhà trường quản lý được những hoạt động đã và đang diễn ra đối với giáo viên và trẻ, là cơ sở quan trọng cho việc kiểm tra đánh giá hiệu quả của quá trình giáo dục.

• Mục tiêu cao nhất của giáo dục trẻ khuyết tật là giúp trẻ hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng,

kế hoạch giáo dục cá nhân là cơ sở để có thể xem xét, đánh giá hiệu quả quá trình dạy học, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

• Ngoài ra, nhà trường còn có thể huy động được một lực lượng xã hội lớn tham gia vào quá trình giáo dục trẻ: gia đình trẻ, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cá nhân tình nguyện...

3. Các yếu tố của bản kế hoạch giáo dục cá nhân

- Thông tin chung về trẻ;
- Mục tiêu giáo dục: mục tiêu giáo dục của năm học, học kỳ, nửa học kỳ, tháng.
- Kế hoạch cụ thể gồm các yếu tố: Nội dung hoạt động; Cách tiến hành, các dịch vụ/phương tiện liên quan; Thời gian; Người thực hiện; Kết quả mong đợi.

- Kế hoạch giáo dục cho từng trẻ được chi tiết trong từng tuần, từng tháng, nửa học kỳ, học kỳ, cả năm học và 3 tháng nghỉ hè. Sau mỗi giai đoạn nhất định kết thúc cần phải đánh giá kết quả thực tế thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

4. Những yêu cầu của bản kế hoạch giáo dục cá nhân

Rõ ràng và chi tiết: tránh sử dụng những thuật ngữ khó hiểu cần nhiều đến việc lý giải và chú thích, kế hoạch càng cụ thể, chi tiết thì càng tốt.

Đảm bảo tính lô gíc: thống nhất giữa các yếu tố của một bản kế hoạch: mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện và thời gian thực hiện hoạt động. Đảm bảo sự thống nhất giữa các nội dung ngay trong một yếu tố.

Đảm bảo tính hợp lý: bản kế hoạch cần được biên soạn linh hoạt để khi thực hiện cho phép người thực hiện điều chỉnh nếu qua đánh giá nhận thấy chưa hợp lý.

Kiểm soát được: việc tổ chức thực hiện hoạt động, mức độ đạt được mục tiêu cũng như những ảnh hưởng, tác động đến việc thực hiện kế hoạch đều có thể đo lường, xác định được tại bất cứ thời điểm nào.

Được chấp nhận: thể hiện mong muốn, nhu cầu của những người thực hiện, mọi thành viên đều cảm thấy cần thiết phải xây dựng và thực hiện kế hoạch này.

Tính khả thi: trong hoàn cảnh hiện tại với các nguồn lực sẵn có thì các mục tiêu đã đề ra hoàn toàn có thể đạt được.

Tính trung thực: bản kế hoạch cần phản ánh đúng thực tế: khả năng và nhu cầu của trẻ, điều kiện và mong đợi của gia đình trẻ, điều kiện thực tế của địa phương, đạt được sự thống nhất và cam kết thực hiện của các thành viên có liên quan.

5. Nhóm hợp tác xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân

Kế hoạch giáo dục cá nhân là sản phẩm của tập thể, thông thường bao gồm các thành viên sau: Ban giám hiệu nhà trường; Giáo viên trực tiếp dạy trẻ; Cha/mẹ trẻ; Đại diện của Nhóm hỗ trợ cộng đồng (cán bộ y tế xã, thôn/xóm, tình nguyện viên...); Giáo viên phụ trách giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật (hoặc giáo viên cốt cán).

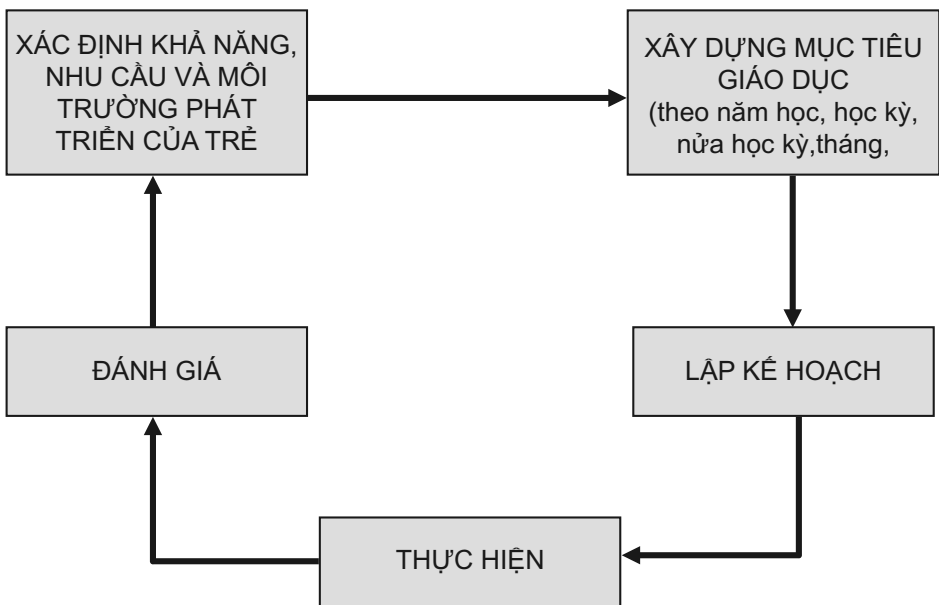
Các công việc cụ thể Nhóm hợp tác xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cần thực hiện:

- Phát hiện trẻ khuyết tật trong cộng đồng và khu vực dân cư;
- Xác định khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ;

- Tham khảo các ý kiến của các nhà chuyên môn (chủ yếu là giáo viên và cán bộ y tế), cha mẹ trẻ, những người quan tâm đến trẻ...
- Đánh giá tổng thể dựa trên nhu cầu của trẻ và gia đình trẻ;
- Đưa ra các quyết định đối với việc xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

Trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhóm hợp tác làm việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ được thể hiện bằng chữ ký của mình trong bản kế hoạch và sự tham gia vào tất cả các bước của quá trình thực hiện bản kế hoạch đó.

II. Quy trình xây dựng và thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật



1. Bước 1. Xác định khả năng, nhu cầu và môi trường phát triển của trẻ

1.1. Nội dung

Việc xác định này được dựa vào phiếu khảo sát nhu cầu và năng lực trẻ khuyết tật (Phụ lục các mẫu phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật khác nhau), bao gồm các nội dung sau:

a. Khả năng phát triển thể chất và vận động

Bao gồm:

- Quá trình phát triển thể chất của trẻ: hình dáng, tầm vóc, đầu, mặt, chân, tay, tầm vóc cơ thể, chiều cao, cân nặng, các giác quan...
- Vận động của trẻ: kỹ năng vận động thô (đi, đứng, ngồi, chạy, nhảy...); kỹ năng vận động tinh (cầm vật nhỏ, sự di chuyển của ánh mắt, sự khéo léo của các chi...)

b. Khả năng ngôn ngữ-giao tiếp

Bao gồm: Vốn từ của trẻ, khả năng nghe hiểu, biểu đạt ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp (ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, ngôn ngữ cử chỉ) của trẻ như thế nào? Trẻ có bị tật ngôn ngữ không? Đặc biệt là thái độ của trẻ trong giao tiếp.

c. Khả năng nhận thức

Bao gồm: Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính, trí nhớ, khả năng học tập các môn học, việc áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống hàng ngày của trẻ...

Bên cạnh đó cũng cần xác định khả năng chú ý (phân phối chú ý, khối lượng chú ý, sự di chuyển chú ý, tính ổn định sự chú ý...) của trẻ trong quá trình hoạt động như học tập, vui chơi cùng bè bạn...

d. Hành vi, tính cách

Bao gồm: Hành vi, tính cách: hăng hái, thờ ơ/lãnh đạm/ưu tư, nóng nảy, “bình thân”, khả năng tự điều chỉnh...

e. Khả năng tự phục vụ bản thân

Bao gồm: Tự ăn uống, vệ sinh quần áo, thân thể, môi trường...

Khả năng tham gia làm những công việc trong gia đình, kỹ năng sống trong gia đình, nhà trường, nơi công cộng..

f. Môi trường phát triển

Môi trường gia đình: Điều kiện sống, thái độ và đối xử của mọi người trong gia đình với trẻ.

Nhà trường: Điều kiện học tập và sinh hoạt, sự quan tâm chăm sóc của nhà trường, thái độ của giáo viên và trẻ không khuyết tật đối với trẻ khuyết tật học hoà nhập...

Cộng đồng: Thái độ và mức độ quan tâm của các tổ chức xã hội (chính quyền đoàn thể, bạn bè, cộng đồng...) đối với trẻ và gia đình trẻ.

1.2. Phương pháp

Để xác định được khả năng, nhu cầu và môi trường phát triển của trẻ cần vận dụng phối hợp các phương pháp sau:

1.2.1. Phương pháp quan sát

Bao gồm quan sát có chủ định và quan sát không chủ định: nhằm thu thập thông tin về các biểu hiện hành vi của trẻ thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

Mục đích: Qua quan sát có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Mục tiêu quan sát có thể là:

- Đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng;
- Phân tích một quá trình;
- Đạt mục tiêu nhất định;
- Cung cấp thông tin phản hồi về cách thức tiến hành một quá trình; từ đó có các biện pháp làm cho quá trình này trở nên hiệu quả hơn.

Quá trình quan sát

- Trước khi quan sát: Người quan sát xác định mục tiêu, nhiệm vụ quan sát rõ ràng, lí do tiến hành quan sát và đặt ra tiêu chí quan sát.

- Trong khi quan sát: Người quan sát chăm chú theo dõi các hoạt động diễn ra và cách thức diễn ra như thế nào; lưu các thông tin trong đầu hay bằng ghi chép, hay dùng máy quay camera, chụp ảnh...

- Sau khi quan sát: Người quan sát sử dụng các thông tin lưu lại để hoàn tất quá trình quan sát đã chủ định từ trước. Người đó dùng thông tin thu được để phân tích những gì rút ra từ sự quan sát.

Hình thức quan sát :

Có 2 hình thức quan sát chính là quan sát có chủ định và quan sát không chủ định.

- Quan sát không chủ định là quan sát ngẫu nhiên quá trình trẻ tham gia vào các hoạt động, người quan sát không tổ chức nhưng có mục tiêu quan sát rõ ràng. Số liệu thu được qua hình thức quan sát này mang tính khách quan cao vì trẻ biểu hiện hết các năng lực và nhu cầu của mình trong môi trường hoàn toàn tự nhiên.

- Quan sát có chủ định là hình thức người quan sát chủ động các hoạt động để quan sát trẻ.

Các mức độ quan sát

- Quan sát chủ động: người quan sát tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động cho trẻ tham gia nhằm mục đích lấy được các thông tin cụ thể, chi tiết đáp ứng mục tiêu quan sát.

- Quan sát bán chủ động: người quan sát chủ yếu vẫn đóng vai trò thụ động, nhưng để làm rõ những thông tin cần có người quan sát có thể tạo ra các hoạt động phụ trợ để trẻ tham gia.

- Quan sát thụ động: người quan sát không can thiệp vào quá trình tham gia các hoạt động của trẻ mà chỉ như người ngoài cuộc thu thập các thông tin theo nội dung và mục tiêu đã định sẵn.

Tránh những sai lệch trong quan sát

Cần lưu ý một số điểm sau đây:

- Tôn trọng những gì đang diễn ra tự nhiên với trẻ;
- Không nên áp đặt;
- Tránh định kiến, quan niệm, kinh nghiệm chủ quan của người quan sát;
- Quan sát chung, bao quát không gian rộng, từng bộ phận, chi tiết và từ nhiều góc độ, khía cạnh, vị trí khác nhau.

Trong quá trình quan sát cần:

- Không bỏ sót chi tiết dù nhỏ;
- Không diễn giải thông tin theo ý kiến chủ quan;
- Nhanh, đầy đủ;
- Liên kết các thông tin và các sự kiện diễn ra.
- Quan sát kết hợp xử lý thông tin (liên hệ, so sánh đối chiếu...)

1.2.2. Phương pháp đàm thoại/phỏng vấn

Là quá trình trao đổi (trực tiếp hoặc gián tiếp) với người được phỏng vấn nhằm thu thập thông tin về sự phát triển của trẻ từ khi sinh đến thời điểm hiện tại.

Trong quá trình phỏng vấn, cần lưu ý đến một số câu hỏi và cách sử dụng sau:

| TT | Dạng câu hỏi | Ví dụ |
|----|--|---|
| 1 | Câu hỏi đóng: là loại câu hỏi có câu trả lời “có” hoặc “không”. | Anh có bút không ? 3 + 5 = 9 có đúng không? |
| 2 | Câu hỏi mở: là loại câu hỏi mà câu trả lời tùy thuộc tình hình thực tế, từ suy nghĩ và nhận thức của người được hỏi (cung cấp thông tin) | Ai là hiệu trưởng trường Hải Long? Chị đã áp dụng phương pháp dạy học tích cực nào ? Kết quả học tập HKI của HS lớp chị như thế nào ? |
| 3 | Câu hỏi dẫn/ thăm dò: là loại câu hỏi mà câu trả lời đã được dẫn ra. Người trả lời được gợi ý và phải lựa chọn (khi đã có một số thông tin) | Trong các phương pháp dạy học: chia nhóm, trực quan, trò chơi thì anh hay áp dụng phương pháp nào nhất ? |
| 4 | Câu hỏi tình huống: là loại câu hỏi về một tình huống cụ thể (tình huống có thể giả định) | Anh làm gì khi HS không hiểu bài ? Mỗi khi trời mưa to thì HS đi học như thế nào ? |
| 5 | Câu hỏi có câu trả lời tốt nhất: là loại câu hỏi mà câu trả lời được đưa ra và so sánh | Trong 4 môn học Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên-Xã hội và Hát nhạc thì môn học nào em thích nhất? Vì sao ? |
| 6 | Câu hỏi trực tiếp: là loại câu hỏi đặt ra cho một người, câu hỏi này dùng để kiểm tra, tạo không khí thảo luận, đưa người “mơ mộng” vào đúng chủ đề | Chị Lan, theo chị thì môn học nào áp dụng phương pháp dạy học tích cực khó nhất ? Anh Hà, theo anh thì phát biểu vừa rồi như thế nào ? |
| 7 | Câu hỏi gián tiếp: là loại câu hỏi có cùng câu trả lời như câu hỏi trực tiếp song đòi hỏi một câu trả lời tổng quát hơn và khó khăn hơn câu trả lời cho | Câu hỏi trực tiếp: "Tuấn, tại sao em không chơi với bạn Long?" Câu hỏi gián tiếp: "Tuấn, tại sao em nghĩ rằng một nhóm bạn này lại thường không chơi với nhóm bạn khác?" |
| 8 | câu hỏi trực tiếp Câu hỏi tổng thể: là loại câu hỏi đặt chung cho cả nhóm. Ai cũng có thể trả lời. | Chúng ta có thể áp dụng trò chơi học tập ở môn Toán như thế nào ? Chúng ta có thể sử dụng Phiếu đánh giá bài dạy như thế nào ? |

Các bước/giai đoạn phỏng vấn:

Chuẩn bị phỏng vấn (trước khi tiến hành phỏng vấn):

- Xác định mục đích/mục tiêu phỏng vấn;
- Lựa chọn và thu thập thông tin về người được phỏng vấn;
- Lựa chọn nội dung và các phương pháp phỏng vấn;
- Xếp xếp tổ chức cuộc phỏng vấn: Thời gian và độ dài gặp gỡ ; Trạng thái tâm lý ; Địa điểm

gặp gỡ

- Lựa chọn phương tiện cần sử dụng trong phỏng vấn
- Đánh giá lại tất cả những công việc chuẩn bị của mình

Xem xét lại công tác chuẩn bị về:

- Tất cả những vấn đề nêu trên.

- Tâm trạng của chính mình: sẵn sàng hay chưa sẵn sàng, tự tin vào khả năng của bản thân hay chưa?

Quá trình phỏng vấn:

- Đánh giá môi trường nơi cuộc phỏng vấn được diễn ra;
- Dành một khoảng thời gian ngắn cho việc ổn định tư thế, tâm trạng và tạo bầu không khí;
- Không bỏ qua những chi tiết dù nhỏ;
- Chủ động bắt đầu cuộc phỏng vấn.

Kỹ năng khuyến khích tạo sự hợp tác trong quá trình phỏng vấn:

- Sử dụng qui tắc “nghe ngóng tích cực”: quan tâm tới người được phỏng vấn

- Tiếp xúc liên tục bằng mắt

- Sử dụng ngôn ngữ bằng lời thích hợp: xưng hô, tốc độ vừa phải, nhẹ nhàng, giọng nhỏ hơn người được phỏng vấn, sự phù hợp trong sử dụng lời nói, cắt ngang lời nói của người được phỏng vấn v.v.

- Điều chỉnh phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng người được phỏng vấn.

- Chú ý đến vấn đề về giới trong cuộc phỏng vấn.

Kết thúc phỏng vấn và phân tích kết quả đạt được

• Kết thúc cuộc phỏng vấn:

- Tóm tắt lại một số nội dung cơ bản của cuộc phỏng vấn.

- Đưa ra một số đánh giá ban đầu (nếu cần thiết).

- Thống nhất kế hoạch.

- Xếp xếp cho cuộc gặp lần sau.

- Cảm ơn người được phỏng vấn.

• Phân tích kết quả phỏng vấn:

- Tổng hợp và xác định các nội dung cụ thể có được sau phỏng vấn dưới góc độ của nhà chuyên môn bằng hình thức báo cáo.

- Kết quả thu được phải phản ánh trung thực

• Duy trì mối liên hệ: Tất cả những kết quả thu được cần phải được chia sẻ với những người liên quan.

❖ **Một số vấn đề lưu ý đối với phỏng vấn trẻ em**

Độ dài thời gian phỏng vấn phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tuổi của trẻ (trẻ từ 3 đến 8 tuổi thì cuộc phỏng vấn có thể kéo dài từ 5 đến 35 phút);
- Tình trạng sức khoẻ;
- Kinh nghiệm sống;
- Khả năng sử dụng ngôn ngữ.

Tạo mối quan hệ thân thiện, tích cực với trẻ:

- Tạo môi trường tiếp xúc an toàn đối với trẻ;
- Biết cách chơi cùng với trẻ;
- Tôn trọng, lắng nghe, động viên khuyến khích những điều trẻ nói;
- Sử dụng những đồ chơi, đồ vật hay những vật dụng phù hợp với ý thích cũng như mối quan tâm của trẻ;
- Nhạy cảm với những sự thay đổi tâm trạng của trẻ;
- Cần biết chờ đợi, không được dừng các hoạt động trẻ đang tham gia vì mục đích phỏng vấn;
- Sử dụng cử chỉ, ánh mắt, nét mặt biểu lộ sự thân thiện, gần gũi với trẻ

❖ Một số lưu ý khi tiếp xúc với gia đình trẻ

Khi thăm gia đình trẻ, các giáo viên sẽ có vai trò là những vị khách trong gia đình trẻ. Do đó, giáo viên cần lưu ý:

- Tôn trọng, chấp nhận và thích ứng với nếp sống của gia đình trẻ.
- Quan sát và cư xử với cha mẹ và các thành viên khác trong gia đình trẻ theo cách mà họ đối xử với chúng ta.
- Hãy là một hình mẫu tốt:
 - Tò thái độ lạc quan về khả năng của trẻ.
 - Luôn tôn trọng trẻ trong cách nghĩ và cư xử với trẻ.
 - Luôn tỏ thái độ quan tâm và giúp đỡ trẻ.
 - Để trẻ tự nhiên thể hiện những nhu cầu, khả năng, sở thích và thói quen.
 - Có thể cùng chơi/ cùng học với trẻ...

1.2.3. Phương pháp trắc nghiệm

Thông qua một số hệ thống bài tập kiểm tra trình độ và khả năng nhận thức của trẻ: phiếu học tập, bài tập kiểm tra, mẫu đánh giá...

1.2.4. Nghiên cứu hồ sơ trẻ

Hồ sơ y tế, hồ sơ nhà trường, sổ liên lạc giữa nhà trường và gia đình, các sản phẩm học tập của trẻ...

❖ Cách trình bày thông tin/kết luận rút ra từ phiếu khảo sát

- Kết quả tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ được tóm tắt vào bảng sau:

| Nội dung tìm hiểu | Khả năng của trẻ | Nhu cầu cần đáp ứng |
|---|------------------|---------------------|
| 1. Thể chất - Sự phát triển thể chất - Các giác quan - Lao động đơn giản | | |
| 2. Khả năng ngôn ngữ giao tiếp - Hình thức giao tiếp - Vốn từ - Phát âm - Khả năng nói - Khả năng đọc - Khả năng viết | | |
| 3. Khả năng nhận thức - Cảm giác - Tri giác - Trí nhớ - Tư duy - Chú ý - Khả năng thực hiện nhiệm vụ | | |
| 4. Khả năng hoà nhập - Quan hệ bạn bè - Quan hệ với tập thể - Hành vi, tính cách | | |
| 5. Môi trường giáo dục - Gia đình - Nhà trường - Cộng đồng | | |

- Khi trình bày thông tin rút ra từ phiếu khảo sát cần lưu ý:
 - Thông tin mang tính cụ thể;
 - Thông tin chú trọng vào thể hiện điểm mạnh, hứng thú và cách tham gia hoạt động của trẻ;
 - Thông tin mang tính tích cực;

Ví dụ: Cách ghi: “trẻ có khả năng đếm xuôi được từ 1 đến 5 có sử dụng đồ dùng trực quan” sẽ mang tính tích cực hơn với cách ghi “trẻ chỉ đếm được từ 1 đến 5 khi có đồ dùng trực quan, hoặc trẻ không đếm được từ 1 đến 5 nếu không dùng đồ dùng trực quan”.

- Ghi rõ thời điểm đánh giá trẻ và kết luận rút ra từ phiếu khảo sát.

2. Bước 2. Xây dựng mục tiêu giáo dục

2.1. Mục tiêu giáo dục là gì?

Mục tiêu giáo dục là kết quả giáo dục mong muốn cần đạt được thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong điều kiện, thời gian nhất định.

2.2. Các loại mục tiêu

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục cấp bậc học, có:

- Mục tiêu giáo dục mầm non.
- Mục tiêu giáo dục tiểu học.
- Mục tiêu giáo dục trung học.
- Mục tiêu giáo dục đại học...

Căn cứ vào thời gian tiến trình giáo dục có 2 loại mục tiêu:

- Mục tiêu dài hạn: Là kết quả giáo dục trong thời gian dài như học kỳ, năm học hoặc cấp học, bậc học.

- Mục tiêu ngắn hạn: Là kết quả giáo dục cần đạt được trong thời gian ngắn như một tiết học, ngày học, một tuần, một tháng.

❖ Khi xây dựng mục tiêu giáo dục cho trẻ, các thành viên phải căn cứ vào:

- Bản thân đứa trẻ: kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống đã có của trẻ, những gì trẻ cần đáp ứng và tương lai phát triển của trẻ ra sao?

- Mục tiêu, nội dung, chương trình khối học, năm học, học kỳ và của từng môn học, bao gồm các kiến thức, kỹ năng và hành vi trẻ cần đạt được sau một năm học, một học kỳ hay một tháng...

- Điều kiện, phương tiện của địa phương, nhà trường, lớp học và gia đình trẻ.

- Đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương: đặc điểm đặc thù về địa lý, văn hoá-xã hội, phong tục tập quán...

Mục tiêu giáo dục bao gồm các mục tiêu về kiến thức văn hoá, các kỹ năng xã hội. Đối với việc xây dựng mục tiêu thì mức độ nắm bắt kiến thức, kỹ năng của trẻ trong bản kế hoạch càng chi tiết, càng cụ thể bao nhiêu thì càng tốt.

Mục tiêu giáo dục cho trẻ có thể được xây dựng theo kiểu mục tiêu giáo dục của năm học và mục tiêu giáo dục của từng học kỳ, từng tháng, từng tuần và được thể hiện bằng kế hoạch bài học trong từng ngày, tiết học.

3. Bước 3. Lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ

3.1. Xác định các yếu tố và lập kế hoạch

- Thời gian thực hiện: cần chỉ rõ ngày bắt đầu thực hiện và thời hạn hoàn thành hoạt động. Thông thường, trẻ khuyết tật cần nhiều thời gian hơn để có thể lĩnh hội được một khối lượng kiến thức và do đó, trẻ cũng cần được tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau. Điều này liên quan đến việc phân bổ lượng thời gian để thực hiện một nội dung hoạt động nhằm đạt đến mục đích giáo dục đã xác định sao cho phù hợp, mang tính khả thi và kích thích hứng thú cả giáo viên và trẻ. Cần tránh biểu hiện nôn nóng hay quá kỳ vọng vào sự tiến bộ vào trẻ.

- Nội dung hoạt động: là những hoạt động mà người giáo viên dự tính sẽ tiến hành tổ chức để trẻ tham gia và nhằm giúp trẻ đạt mục tiêu. Các hoạt động cần được thiết kế và thực hiện theo trình tự các bước và điều này liên quan đến kỹ năng chia nhỏ nhiệm vụ, nội dung thành các bước càng nhỏ càng tốt đối với trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, một kỹ năng quan trọng khác là kỹ năng xây dựng các bước chuyển tiếp bao gồm việc củng cố kiến thức, kỹ năng đã đạt được, hình thành kiến thức, kỹ năng mới và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo.

- Biện pháp thực hiện và phương tiện liên quan: là những cách thức, điều kiện để thực hiện hoạt động đó diễn ra và đạt kết quả. Những điều kiện, phương tiện đảm bảo thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân bao gồm các dịch vụ đặc biệt cho các đối tượng trẻ khuyết tật khác nhau (máy trợ thính, chữ nổi Braille, đồ dùng học tập phù hợp với trẻ khó khăn về vận động...), các hoạt động tập thể đảm bảo cho trẻ khuyết tật được tham gia, các môi trường phù hợp với khả năng, hứng thú của trẻ...

- Người thực hiện: là những người giúp trẻ thực hiện các hoạt động. Bản kế hoạch cần chỉ rõ người chịu trách nhiệm chính, người hỗ trợ, thời gian và công việc cụ thể của từng thành viên.

- Kết quả mong đợi: cần chỉ ra yêu cầu mức độ đạt được. Đối với mỗi mục tiêu, cần chỉ rõ những tiêu chí và cách thức đánh giá. Cần lưu ý khi tiến hành đánh giá phải xác định rõ mục đích đánh giá là nhằm xác định bước phát triển tiếp theo cụ thể của trẻ để từ đó có những biện pháp can thiệp giáo dục kịp thời đáp ứng nhu cầu của trẻ.

3.2. Yêu cầu khi xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật

• Hệ thống kiến thức, kỹ năng cần được xây dựng từ mức độ đơn giản đến mức độ khó/cao hơn.

• Nhiệm vụ càng được chia nhỏ thành các bước và thực hiện từng bước/từng phần nhỏ thì càng tốt. Việc xây dựng dựa trên cơ sở một hệ thống các bước, tuy từng trẻ với những khả năng và nhu cầu khác nhau mà xác định số lượng các bước nhiều hay ít, song nhất định phải đi theo từng bước để đạt được mục tiêu mong muốn.

• Thiết kế và tổ chức các hoạt động được diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau nhằm tăng số lượng kiến thức, tăng mức độ thành thạo các kỹ năng cho trẻ.

• Sử dụng đồ dùng, phương tiện cần tuân thủ chặt chẽ quy luật của quá trình nhận thức. Có thể sử dụng vật thật, mô hình, hình ảnh để hình thành khái niệm cho trẻ.

• Xây dựng kế hoạch chuyển tiếp về thời gian, ví dụ như giữa hai học kỳ, hai tháng... hay chuyển tiếp về kiến thức, kỹ năng mang tính củng cố và lĩnh hội tri thức mới thể hiện trong những hoạt động phong phú, lô gíc và trẻ hứng thú tham gia.

4. Bước 4. Tổ chức thực hiện

4.1. Nhà trường

Nhiệm vụ: Nhà trường có nhiệm vụ giúp trẻ khuyết tật phát triển khả năng nhận thức, khả năng giao tiếp, kỹ năng xã hội và hoà nhập cộng đồng.

Nội dung:

Nhận thức:

Cần phát triển cho học sinh khả năng:

- Tri giác, trí nhớ, tưởng tượng...
- Tư duy, suy nghĩ, phân tích, tổng hợp...
- Hiểu về con người, môi trường xung quanh...
- Học tập văn hoá, lao động, học nghề.

Giao tiếp:

Cần hình thành và phát triển cho học sinh khả năng:

- Hiểu ngôn ngữ (nói, viết, kí hiệu...);

- Biểu đạt ngôn ngữ (nói, viết, kí hiệu);
- Giao tiếp có lời và không lời.

Kĩ năng xã hội:

Cần hình thành và phát triển:

- Mọi quan hệ giữa trẻ với bạn bè, gia đình, cộng đồng
- Hành vi ứng xử, cảm xúc, tình cảm...

Khả năng hoà nhập:

- Xây dựng môi trường thân thiện giữa trẻ khuyết tật-trẻ bình thường, giáo viên-trẻ...
- Tạo cơ hội cho trẻ được tham gia, đối xử bình đẳng như mọi trẻ.

Biện pháp:

Ban giám hiệu nhà trường:

- Đưa việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân là một trong những nhiệm vụ của nhà trường.
- Hỗ trợ giáo viên thực hiện theo bản kế hoạch giáo dục cá nhân đã lập.
- Tạo điều kiện cung cấp cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, phương tiện hỗ trợ đầy đủ cho lớp có trẻ khuyết tật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và đưa ra những quyết định điều chỉnh kịp thời việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân của giáo viên thông qua sổ ghi chép, đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Có biện pháp khuyến khích, động viên giáo viên, phụ huynh và trẻ thực hiện tốt bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

- Tổ chức mở chuyên đề tạo điều kiện cho các giáo viên dạy lớp hoà nhập cơ hội trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tổ chức, điều khiển các cuộc họp điều chỉnh bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

Giáo viên trực tiếp dạy lớp hoà nhập:

- Để thực hiện các mục tiêu giáo dục đã đề ra, giáo viên cần phải thiết kế, điều chỉnh các hoạt động giáo dục vào từng môn học, từng bài học. Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động. Thông qua sự tác động phù hợp trên lớp giúp trẻ nâng cao nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với trẻ, trẻ với trẻ, trẻ với cộng đồng. Tạo cho trẻ có được cảm giác an toàn, được tôn trọng giúp trẻ khuyết tật bớt mặc cảm, tự ti; trẻ không khuyết tật đồng cảm, chia sẻ, hỗ trợ giúp đỡ bạn... bằng cách giáo dục ý thức và xây dựng vòng tay bạn bè (nhóm bạn bè).

- Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với gia đình trẻ nhằm trao đổi thông tin, phối kết hợp, trực tiếp hoặc gián tiếp, hướng dẫn cho phụ huynh cách dạy, kĩ năng giao tiếp, cách phát triển ngôn ngữ cho trẻ tại gia đình.

- Ghi nhật ký những biểu hiện tiến bộ diễn ra hàng ngày ở nhà trường. Thông tin này được trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản, có thể bằng giấy tờ hoặc sổ liên lạc. Các thông tin trao đổi với phụ huynh cần đảm bảo ngôn ngữ dễ hiểu, ngắn gọn, rõ ràng, trong sáng và tích cực.

- Thường xuyên hướng tới việc thực hiện mục tiêu và đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với sự phát triển của trẻ

Giáo viên hỗ trợ:

- Tham gia lập kế hoạch và theo dõi việc thực hiện kế hoạch của nhóm;
- Thường xuyên dự giờ, thăm lớp để nắm bắt sự tiến bộ của trẻ; phương pháp, kỹ năng, cách thức tổ chức các hoạt động; trao đổi kinh nghiệm, tìm hướng phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt hạn chế trong quá trình thực hiện;
- Cùng với giáo viên trực tiếp dạy trẻ kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của trẻ theo từng giai đoạn;
- Tổ chức mở chuyên đề, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đồng nghiệp về lập và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân;
- Theo dõi việc phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật;
- Tạo ra sự liên kết các lực lượng tham gia chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.

4.2. Gia đình

Nhiệm vụ: Gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Gia đình có vai trò quan trọng trong việc quyết định đến quá trình phát triển của trẻ thông qua việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

Nội dung:

- Chăm sóc sức khỏe;
- Hình thành và phát triển khả năng nhận thức;
- Hình thành và phát triển khả năng giao tiếp;
- Hình thành và phát triển kỹ năng xã hội.

Biện pháp:

Phụ huynh trẻ

- Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ, giúp trẻ có đủ sức khỏe để tham gia vào việc học tập, vui chơi và mọi hoạt động khác.
- Thường xuyên giúp đỡ, hỗ trợ trẻ học bài ở nhà.
- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên đối với giáo viên để nắm bắt thông tin về sự tiến bộ của trẻ, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục trẻ đồng thời cung cấp thông tin những biểu hiện sự tiến bộ của trẻ ở gia đình. Từ đó, giáo viên và phụ huynh cùng tìm ra biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ trẻ tốt hơn, hiệu quả hơn.
- Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích trẻ tham gia vào các công việc vừa sức trẻ ở gia đình.
- Cho trẻ được giao lưu với bạn bè, hàng xóm, khu phố.
- Chú trọng phát triển nhận thức, giao tiếp của trẻ ở mọi lúc mọi nơi trong mọi hoạt động sinh hoạt hằng ngày.
- Ghi nhật kí để thấy rõ sự tiến bộ của trẻ và làm cơ sở để trao đổi kinh nghiệm với giáo viên dạy, giáo viên chủ chốt và những người quan tâm.
- Phụ huynh luôn chủ động gặp gỡ giáo viên, thông cảm, chia sẻ, động viên họ trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

Bản thân trẻ:

- Hợp tác với cha mẹ, giáo viên, bạn bè trong hoạt động giao tiếp, học tập, vui chơi;
- Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động ở nhà và trường;
- Trẻ nhận thức được sự tiến bộ của mình qua nhận xét của cha mẹ, giáo viên và bạn bè.

4.3. Cộng đồng

Nhiệm vụ: Hỗ trợ, hướng dẫn gia đình cách chăm sóc, giáo dục đồng thời giúp đỡ về tinh thần, vật chất đối với trẻ và gia đình trẻ.

Nội dung:

- Phục hồi chức năng.
- Chăm sóc sức khỏe.
- Tìm nguồn tài trợ về phương tiện đi lại, phương tiện hỗ trợ cho việc học tập...

Biện pháp:

- Nâng cao nhận thức của các thành viên gia đình trẻ, hàng xóm, cộng đồng và các tổ chức quần chúng;
- Thường xuyên thăm hỏi, động viên và trao đổi thông tin về sự tiến bộ của trẻ;
- Hướng dẫn phụ huynh cách chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục hồi chức năng cho trẻ tại gia đình;
- Huy động các lực lượng và nguồn lực trong cộng đồng để giúp đỡ, hỗ trợ trẻ, gia đình trẻ khuyết tật;
- Chủ động đề xuất những biện pháp về chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng;
- Phối kết hợp chặt chẽ với gia đình trẻ, giáo viên thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục cá nhân.

❖ Ví dụ về Lập kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân

Thời gian từ... đến... năm....

| Lĩnh vực can thiệp | Gia đình | Nhà trường | Cộng đồng |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đọc và viết số 1 | HĐ1: HĐ2: | HĐ1: HĐ2: | HĐ1: HĐ2: |
| Nhận biết màu sắc vàng | HĐ1: HĐ2: | HĐ1: HĐ2: | HĐ1: HĐ2: |
| | | | |

5. Đánh giá thực hiện kế hoạch

Việc đánh giá kế hoạch tất nhiên cần phải dựa trên kế hoạch đã xây dựng, cụ thể là mục tiêu chung và những kết quả dự kiến trong từng giai đoạn nhất định. Mục đích cuối cùng của việc đánh giá là phải xây dựng được một kế hoạch giáo dục tiếp theo cho trẻ. Đánh giá thường xuyên và điều chỉnh kịp thời ngay trong quá trình thực hiện kế hoạch là một công việc không thể thiếu.

5.1. Đánh giá tiến trình thực hiện kế hoạch

Bao gồm:

- Đánh giá việc thực hiện theo thời gian đã xác định, theo từng giai đoạn: giữa kỳ, học kỳ, năm học, 3 tháng hè...

- Sự cam kết thực hiện của các thành viên trong Nhóm hợp tác xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân;
- Các nguyên nhân thành công, chưa thành công và bài học kinh nghiệm đối với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân;
- Những vấn đề đã điều chỉnh có phù hợp với trình độ và nhu cầu phát triển của trẻ hay chưa?
- Các hoạt động tiếp theo để thực hiện kế hoạch...

5.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch

Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập cần dựa vào mục tiêu giáo dục cá nhân.

Nội dung đánh giá: Theo 3 mặt cơ bản sau:

- Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức.
- Đánh giá kết quả rèn luyện kỹ năng.
- Đánh giá thái độ.

Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức

Với trẻ có khuyết tật nhẹ được đánh giá như trẻ không khuyết tật. Còn trẻ có khuyết tật nặng, tùy theo dạng tật, mức độ tật, cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo trong đánh giá để động viên, khích lệ trẻ đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

Đánh giá bằng điểm số đối với những môn trẻ khuyết tật theo được không cần điều chỉnh, có thể định lượng được; Đánh giá bằng nhận xét : đạt- chưa đạt, hoàn thành- chưa hoàn thành, tiến bộ rõ rệt-có tiến bộ-ít tiến bộ... với những lĩnh vực học tập đòi hỏi các năng lực, sở trường đặc biệt, khó đo lường chính xác và công bằng.

Đánh giá rèn luyện kỹ năng

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ dạy cho trẻ những kiến thức văn hóa, đạo đức, lối sống mà còn phải rèn luyện cho trẻ những kỹ năng trong cuộc sống để hội nhập xã hội. Đánh giá rèn luyện kỹ năng của trẻ theo các mặt:

- Kỹ năng giao tiếp

Giao tiếp là hoạt động rất cần cho trẻ khuyết tật phát triển. Khi giao tiếp trẻ cần có ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và thái độ với người khác. Vì vậy trong quá trình giáo dục phải đánh giá vốn từ của trẻ nhiều hay ít, cách vận dụng như thế nào trong quá trình giao tiếp với mọi người. Trẻ khuyết tật ngôn ngữ phát triển rất chậm và bị hạn chế rất nhiều. Trẻ khó khăn về học vốn từ rất nghèo nàn và khó vận dụng trong giao tiếp nên trẻ diễn đạt việc làm, ý nghĩa của mình bằng lời nói rất khó khăn. Trẻ khiếm thính thì việc giao tiếp bằng lời cực kỳ khó khăn, các em phải sử dụng ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ, ngôn ngữ ngón tay và ngôn ngữ viết trong giao tiếp.

- Kỹ năng lao động, học tập và sinh hoạt

Đối với trẻ khuyết tật việc hình thành kỹ năng trong sinh hoạt cuộc sống và lao động cũng là một trong những mục tiêu giáo dục quan trọng. Những kiến thức mà trẻ lĩnh hội cần được luyện tập thường xuyên để giúp trẻ hình thành các kỹ năng.

Đánh giá việc rèn luyện các kỹ năng bao gồm thói quen tự phục vụ như giữ gìn vệ sinh thân thể, đánh răng rửa mặt, đi vệ sinh, mặc quần áo... Những kỹ năng lao động đơn giản như làm được một số việc trong gia đình: quét dọn nhà cửa, các công việc nấu nướng đơn giản như nhặt rau, vo gạo... Những thói quen trong học tập: ngồi học trật tự, chú ý nghe giảng, tập trung, tham

gia các hoạt động của nhóm, của lớp, giữ gìn sách vở, những kỹ năng trong hoạt động vui chơi với bạn bè...

Đánh giá thái độ

Đánh giá nội dung này thông qua các hành vi thể hiện bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động của ý nghĩ, tình cảm đối với người khác, đối với bản thân, đối với bè bạn hoặc đối với sự việc nào đó và công việc trong ứng xử và hội nhập cộng đồng.

Đánh giá cách trẻ phản ứng với các đối tượng (các hành vi phù hợp hay chưa phù hợp), xem xét khả năng phản ứng (tích cực hay thờ ơ, nhanh hay chậm) của trẻ đối với sự việc, hiện tượng, với người đang giao tiếp. Đối tượng trẻ tiếp xúc có thể ngẫu nhiên hoặc chủ định.

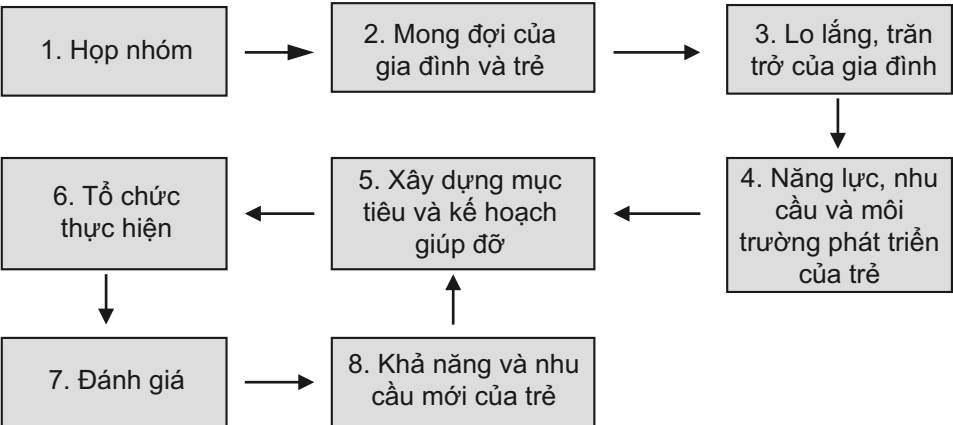
Đánh giá thái độ, hành vi của trẻ trong quan hệ bè bạn trong lúc chơi, trong tiếp nhận và hỗ trợ người khác ... Xem xét thái độ của trẻ đối với mọi người (gia đình, thôn xóm, lớp học, hoạt động tập thể...)

5.3. Mẫu tóm tắt đánh giá sự phát triển của trẻ

| Trình độ hiện tại của trẻ | Các biện pháp hỗ trợ đã thực hiện | Phương pháp và phương tiện sử dụng để đánh giá việc đạt đến mục tiêu (phiếu bài tập, bài tập kiểm tra, kiểm tra bằng lời, đánh giá sản phẩm, bạn bè đánh giá...) | Đánh giá sự tiến bộ | | |
|---------------------------|-----------------------------------|--|---------------------|---------------------|---------------|
| | | | Có nhiều tiến bộ | Đã có những tiến bộ | Không tiến bộ |
| Kiến thức | | | | | |
| Kỹ năng | | | | | |
| Thái độ | | | | | |

Tổ chức hợp nhóm hợp tác xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Sơ đồ tóm tắt quá trình hợp nhóm hợp tác xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân:



6.1. Chuẩn bị

- Chuẩn bị tài liệu đảm bảo đầy đủ nội dung, số lượng, rõ ràng, dễ hiểu:
 - Thông tin về trẻ: độ tuổi, biểu hiện, nguyên nhân, khả năng hiện tại, nhu cầu...
 - Thông tin về gia đình (điều kiện kinh tế, quan tâm của gia đình đối với trẻ)
 - Mong muốn của gia đình, vấn đề nào cần ưu tiên đáp ứng trước cho trẻ;
- Quyết định thành phần tham gia họp, trong đó có trẻ tham gia;
- Sắp xếp địa điểm và thời gian phù hợp để họp;
- Thông báo mục đích, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm cuộc họp cho các thành viên tham gia.

6.2. Tiến hành cuộc họp

Khai mạc:

- Chuyện trò, tạo không khí thoải mái tự nhiên;
- Giới thiệu lại mục đích, nội dung và chương trình cuộc họp;
- Trao đổi về những biểu hiện tích cực hoặc thành công của trẻ;
- Giới thiệu thành viên và vai trò của từng thành viên tham dự.

Nội dung tiến hành:

- Thông báo tóm tắt kết quả đánh giá về khả năng, nhu cầu phát triển của trẻ, khả năng thực tế và mong đợi của gia đình đối với trẻ;
- Trao đổi về nguồn lực, phương tiện hỗ trợ và dịch vụ có liên quan, thứ tự ưu tiên và những mối quan tâm;
 - Xác định các mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ: năm học, nửa học kì, tháng, hè và mục tiêu ngắn hạn khác;
 - Thiết kế nội dung, các hoạt động sẽ tiến hành, người chịu trách nhiệm chính, kết quả mong đợi và thời gian hạn định cho việc thực hiện
 - Xác định những trang thiết bị cần hỗ trợ cho trẻ đảm bảo cho trẻ tham gia một cách tối đa vào các hoạt động đã thiết kế;
 - Xác định tiêu chuẩn, quy trình và tiến độ đánh giá đối với các mục tiêu đề ra;
 - Xác định ngày dự kiến đánh giá việc triển khai thực hiện;
 - Thống nhất với các thành viên nhóm, đặc biệt là với cha mẹ trẻ, liên lạc thường xuyên về sự tiến bộ và mức độ đóng góp của trẻ theo các mục tiêu đã đề ra;
 - Cam kết thực hiện của các thành viên (thông qua chữ ký).
 - Kết luận:
 - Tóm tắt bằng lời và bằng văn bản những quyết định cơ bản và trách nhiệm của mọi thành viên trong Nhóm họp tác;
 - Xác định các văn bản báo cáo tiến độ triển khai, người chịu trách nhiệm chính, và phương án tối ưu để duy trì liên lạc giữa các thành viên;
 - Xếp xếp cho cuộc họp lần sau, tính đến việc có các cuộc họp bất;
 - Cảm ơn mọi thành viên Nhóm họp tác đã đóng góp vào xây dựng và tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật.

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN TIỂU HỌC

SỞ GIÁO DỤC...
TRƯỜNG.....

HỌ TÊN HỌC SINH:
XÃ HUYỆN TỈNH.....



KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN

.....

NĂM 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin học sinh

- Họ tên học sinh:
- Giới tính:
- Ngày tháng năm sinh:.....
- Là con thứ mấy trong gia đình?.....
- Dạng tật chính (*lựa chọn và tích vào ô phù hợp nhất*)
 Khiếm thính Khiếm thị Khuyết tật ngôn ngữ Tự kỷ
 Khuyết tật trí tuệ Khuyết tật học tập Vận động Đa tật
- Tình trạng học tập:
 Đi học Chưa đi học Bỏ học
- Nếu đi học
 Mẫu giáo Tiểu học THCS
- Tình trạng sức khỏe
 Khỏe Bình thường Yếu
- Đặc điểm đặc biệt khác (trẻ mắc hội chứng Down, bại não, bại liệt, tim bẩm sinh hoặc các dị tật khác)
.....
.....

2. Thông tin về gia đình học sinh

- Họ tên bố:
- Nghề nghiệp bố:
- Họ tên mẹ:
- Nghề nghiệp mẹ:.....
- Địa chỉ gia đình.....
- Số liên thoại liên hệ:
- Ai là người chăm sóc chính?

3. Đặc điểm học sinh

3.1. Đặc điểm về khả năng vận động

- * Vận động thô (*khả năng đi, đứng, chạy, nhảy, bò, trườn, ngòì...*)
.....
- * Vận động tinh (*khả năng vận động của các chi nhỏ như: cầm thìa, cầm đũa, cầm bút, viết, tô màu, xé dán, cài khuy áo, khâu kim ... mức độ khéo léo*)
.....

3.2. Khả năng nhận thức

- * Khả năng tập trung, chú ý, ghi nhớ:
.....
- * Khả năng nhận thức với các môn học:

Mềm non:

- Khả năng nhận thức thế giới xung quanh (nhận biết bản thân, gia đình, bạn bè, sự vật, con vật, sự việc, nghề nghiệp....)
.....

Khả năng làm quen với các biểu tượng toán (hình dạng, kích thước, màu sắc, chữ số, thêm bớt...)

Khả năng làm quen với các chữ cái (khả năng nhận dạng, đọc, tô màu các chữ cái)

Khả năng về nghệ thuật (vẽ, nặn, xé dán, hát, đọc thơ, kể chuyện...).

Tiểu học:

- Khả năng học Toán

Khả năng học Tiếng Việt (Nghe chép, nghe hiểu, đọc, viết)

Khả năng học môn Tự nhiên và Xã hội

Khả năng học các môn học khác

3.3. Ngôn ngữ:

Khả năng về vốn từ

- > 50 từ
- <50 – 100 từ
- > 100 – 200 từ
- > 200 – 300 từ
- > 300 – 400 từ
- > 500 từ

3.3.2. Khả năng hiểu ngôn ngữ

Khả năng hiểu các yêu cầu có một mệnh lệnh (*Lấy cho cô đôi dép*)

Ví dụ:

Khả năng hiểu các yêu cầu có hai yêu cầu mệnh lệnh (*Lấy cốc và uống nước*)

Ví dụ:

Khả năng hiểu các yêu cầu có ba mệnh lệnh (*Đi xuống bếp lấy bát và dọn cơm*)

Ví dụ:

3.3.3. Diễn đạt ngôn ngữ

Câu đơn

Ví dụ:

Câu ghép

Ví dụ:

3.3.4. Đặc điểm khác

- Nói khó
- Nói lắp
- Nói ngọng
- Chưa nói được

3.4. Kỹ năng giao tiếp: Trẻ đã có những kỹ năng giao tiếp nào dưới đây (Có thể tích một hoặc nhiều kỹ năng)

- Giao tiếp bằng mắt
- Kỹ năng chơi
- Kỹ năng chú ý
- Kỹ năng sử dụng cử chỉ, điệu bộ
- Kỹ năng lắng nghe
- Bắt đầu và duy trì cuộc hội thoại
- Kỹ năng bắt chước
- Tham gia vào cuộc hội thoại
- Kỹ năng luân phiên
- Giao tiếp phù hợp với tình huống, ngữ cảnh

3.5. Kỹ năng xã hội

3.5.1. Kỹ năng xã hội thể hiện trong gia đình

(Mô tả các kỹ năng của trẻ theo các gợi ý, lấy ví dụ cụ thể về các kỹ năng)

Qui tắc ứng xử (*Chào hỏi, lễ phép, chăm sóc người thân...*)

An toàn trong gia đình (*An toàn sử dụng điện, lên xuống cầu thang, ứng xử với người lạ...*)

Giúp việc nhà (*Ngăn nắp gọn gàng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, vệ sinh nhà cửa, chăm sóc người thân...*)

.....
Gọi người giúp đỡ (*Ứng xử khi bị lạc, mượn đồ dùng của người khác...*)

.....
Tiết kiệm (*Bảo quản đồ dùng cá nhân, sử dụng các thiết bị điện, nước hợp lý...*)

.....
3.5.2. Kỹ năng xã hội thể hiện trong nhà trường

Ứng xử tại trường (*Chào hỏi thầy cô, cảm ơn - xin lỗi, giúp đỡ bạn bè, bảo quản đồ dùng học tập...*)

.....
Nội quy trường, lớp (*Tuân thủ các nội quy: trang phục, kỷ luật giờ giấc...*)

.....
An toàn ở trường (*Tham gia vui chơi với các bạn, chơi các đồ chơi an toàn...*)

.....
Kỹ năng học đường (*Học nhóm, tham gia các sinh hoạt tập thể...*)

.....
3.5.3. Kỹ năng xã hội thể hiện trong cộng đồng

Ứng xử - giao tiếp (*Cảm ơn, xin lỗi, biết các phép lịch sự: Ho, hắt hơi, che miệng...*)

.....
Tham gia giao thông (*Tham gia giao thông an toàn, hỏi đường, xin đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng...*)

.....
Qui tắc ứng xử nơi công cộng (*Xếp hàng, giữ trật tự nơi công cộng...*)

.....
An toàn ở những nơi công cộng (*An toàn ao, hồ sông, suối, an toàn với người lạ...*)

.....
3.6. Kỹ năng tự phục vụ (trẻ đã làm được gì? và chưa làm được gì?)

.....
3.7. Hành vi (biểu hiện các hành vi có bất thường hay không, cụ thể là hành vi nào?)

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC (3 THÁNG)

(Trả lời câu hỏi: Sau 3 tháng trẻ đạt được mục tiêu cụ thể nào?)

Phát triển khả năng vận động

2. Phát triển khả năng nhận thức

Toán

Tiếng Việt

Tự nhiên và Xã hội

Môn học khác

3. Phát triển kỹ năng sống

Kỹ năng tự phục vụ

.....
Kỹ năng xã hội
.....

4. Phát triển ngôn ngữ/ giao tiếp

Phát triển vốn từ (Số lượng từ, thuộc nhóm từ nào?)
.....

Phát triển khả năng hiểu ngôn ngữ (Hiểu những yêu cầu bằng ngôn ngữ nào?)
.....

Phát triển khả năng diễn đạt ngôn ngữ (Diễn đạt ngôn ngữ như thế nào?)
.....

5. Quản lý hành vi
.....

6. Phục hồi chức năng
.....

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THÁNG... NĂM.....

(Từ ngày.....đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đánh giá khả năng thực hiện nội dung của trẻ bằng cách đánh dấu vào các cột (1), (2), (3), (4)

(1) Thực hiện độc lập

(2)Thực hiện có sự trợ giúp

(3) Chưa thực hiện được

(4) Không chịu thực hiện

| Thời gian | Nội dung | Đánh giá kết quả thực hiện của trẻ | | | |
|-----------|----------|------------------------------------|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Tuần 1 | | | | | |
| | | | | | |
| Tuần 2 | | | | | |
| | | | | | |
| Tuần 3 | | | | | |
| | | | | | |
| Tuần 4 | | | | | |
| | | | | | |
| Tuần 5 | | | | | |
| | | | | | |

Đại diện CLB CMTKT

Phụ huynh

Giáo viên chủ nhiệm

Giáo viên tại nhà

Nội dung cần điều chỉnh sau khi đánh giá sự tiến bộ của trẻ

.....

.....

.....

.....

ĐÁNH GIÁ SAU 3 THÁNG THỰC HIỆN

1. Học sinh đã đạt được tốt (mức 1 và mức 2) các mục tiêu như sau:

- (1) Thực hiện độc lập (2) Thực hiện có sự trợ giúp

| Mục tiêu | 1 | 2 |
|-------------------------------------|---|---|
| <i>Vận động</i> | | |
| <i>Nhận thức</i> | | |
| <i>Ngôn ngữ/ giao tiếp</i> | | |
| <i>Kỹ năng tự phục vụ</i> | | |
| <i>Kỹ năng xã hội.</i> | | |
| <i>Hành vi</i> | | |
| <i>Phục hồi chức năng</i> | | |

2. Học sinh chưa đạt được (mức 3 và mức 4) các mục tiêu như sau:

- (3) Chưa thực hiện được (4) Không chịu thực hiện

| Nội dung | 3 | 4 |
|-------------------------------------|---|---|
| <i>Vận động</i> | | |
| <i>Nhận thức</i> | | |
| <i>Ngôn ngữ/ giao tiếp</i> | | |
| <i>Kỹ năng tự phục vụ</i> | | |
| <i>Kỹ năng xã hội.</i> | | |
| <i>Hành vi</i> | | |
| <i>Phục hồi chức năng</i> | | |

3. Mục tiêu cần điều chỉnh trong 3 tháng tiếp theo (Dựa trên mục tiêu học sinh chưa đạt được của Quý trước)

| Nội dung |
|---|
| <i>Vận động</i> |
| <i>Nhận thức</i> |
| <i>Ngôn ngữ/ giao tiếp</i> |
| <i>Kỹ năng tự phục vụ</i> <i>Kỹ năng xã hội.</i> |
| <i>Hành vi</i> |
| <i>Phục hồi chức năng</i> |
| |

Ý kiến của phụ huynh

Ý kiến giáo viên dạy tại nhà

(Lưu ý: Sau khi có mục tiêu cần điều chỉnh, GV tiếp tục đặt mục tiêu mới cho quý sau)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ontario Ministry of Education, Special Education Companion: Deaf and Hard of Hearing, pp. 22-35 and <https://academic.oup.com/jdsde/article/19/2/143/376680>
2. Luật người khuyết tật Việt Nam
3. Luật Trẻ em
4. Công ước LHQ về trẻ em
5. Công ước LHQ về quyền của người khuyết tật